TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2018/DS-PT
Ngày 06 - 12 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Lịnh

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng về vay tài sản và bảo lãnh.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 218/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1987, theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2017; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Lê Văn N, sinh năm: 1965; địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Chị Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn C – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vào ngày 30/9/2016 ông Huỳnh Văn C giới thiệu cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L (ông T là cháu ruột vợ ông C) vay của anh H số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất là 50.000 đồng/1.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay ông C có làm giấy bảo lãnh cho vợ chồng ông T, bà L với nội dung nếu ông T, bà L không trả nợ cho anh H thì ông C sẽ có trách nhiệm trả nợ thay cho vợ chồng ông T, bà L. Nhưng từ khi vay đến nay vợ chồng ông T, bà L không có trả gốc và lãi cho anh H theo thỏa thuận, anh H có yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng ông C vẫn không trả cho anh H.

Anh H yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 30/9/2016 đến khi giải quyết xong vụ án. Nếu vợ chồng ông T, bà L không trả được thì yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả gốc và lãi cho anh H.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H là chị Nguyễn Thị Kim S trình bày***:

Thừa nhận vợ chồng ông T và bà L có trả tiền lãi cho anh H được 140.000.000 đồng, nên đồng ý khấu trừ số tiền lãi là 140.000.000 đồng ông T và bà L đã đóng cho ông N, ông N đã giao lại cho anh H, nay yêu cầu ông T và bà L trả cho anh H số tiền nợ gốc còn lại là 222.580.500 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

**** Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 29/5/2018 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L thống nhất trình bày*:**

Ông T, bà L thừa nhận ngày 30/9/2016 có nhờ ông Huỳnh Văn C đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng bà vay của anh H, ông N 350.000.000 đồng, lãi suất mỗi ngày là 1.750.000 đồng/350.000.000 đồng/ngày, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng.

Ngày 10/10/2016 vợ chồng ông T, bà L đóng lãi 20.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2016 bà L và người cháu là Phạm Thị Cẩm N đóng tiền lãi thêm 70.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2017 vợ chồng ông T, bà L nhờ cháu ruột tên Phạm Thị Cẩm N đóng lãi cho ông N thêm 50.000.000 đồng.

Vợ chồng ông T, bà L yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ lại số tiền lãi 140.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu vợ chồng ông T, bà L sẽ trả dần cho ông H và ông N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Phạm Thị L trình bày***:

Bà đồng ý trả cho anh H số tiền nợ gốc còn lại là 222.580.500 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn C trình bày*:**

Ông C thừa nhận vào ngày 30/9/2016 ông C có ký bảo lãnh cho vợ chồng ông T, bà L vay của anh H số tiền 350.000.000 đồng. Ông C cho rằng không có sử dụng số tiền này, nên chỉ đồng ý trả cho anh H từ 5 – 10 triệu đồng, còn nhiều thì không có khả năng trả.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc N trình bày***:

Việc chồng bà là ông Huỳnh Văn C hỏi tiền của ông N cho vợ chồng ông T, bà L lúc đầu bà không đồng ý, nhưng vợ chồng ông T, bà L năn nỉ nhiều lần nên ông C mới hỏi vay tiền của ông N cho vợ chồng ông T, bà L để đáo hạn Ngân hàng. Nhưng không biết lý do gì vợ chồng ông T, bà L không trả số tiền trên cho ông N. Bà N có nghe nói vợ chồng ông T, bà L có trả lãi cho ông N hơn 100.000.000 đồng, ngoài ra không biết gì thêm. Tại đơn xin vắng mặt bà đồng ý để chồng bà là ông C quyết định (bút lục 87).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Cẩm N***:

Chị Phạm Thị Cẩm N đã đượcTòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày*:**

Ông N thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận, nhận tiền lãi ngày 24

tháng 01 năm 2017 do bà L cung cấp cho Tòa án là do ông ký và viết ra. Ông có nhận tiền lãi từ bà Phạm Thị L 3 lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng; ông đồng ý khấu trừ số tiền trên cho bà L.

**** Tài liệu, chứng cứ:*** Anh Nguyễn Thanh H cung cấp gồm có: 01 Giấy bảo lãnh ngày 25 tháng 5 năm 2017; 01 Biên nhận ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L cung cấp gồm có: 01 Biên nhận, nhận tiền lãi ngày 24 tháng 01 năm 2017 do ông Lê Văn N ký.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định***:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Phạm Thị L và ông Huỳnh Văn C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc T, bà Phạm Thị L đối với anh Nguyễn Thanh H và ông Lê Văn N. Khấu trừ số tiền là 140.000.000 đồng ông T bà L đã trả cho ông N vào số tiền 350.000.000 đồng ông T bà L vay của anh H ngày 30/9/2016.

Bác một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thanh H về việc đòi vợ chồng ông T, bà L trả số tiền 350.000.000 đồng - 222.580.500 đồng = 127.419.500 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quốc T, bà Phạm Thị L chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 269.321.500 đồng. Nếu vợ chồng ông T, bà L không còn tài sản để thi hành án thì vợ chồng ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Ngọc N phải có trách nhiệm trả nợ cho anh H thay cho vợ chồng ông T, bà L.

* Ngày 15/9/2018 bị đơn ông Huỳnh Văn C kháng cáo với nội dung: Không đồng ý liên đới trả cho nguyên đơn anh H số tiền 269.321.500 đồng.

* Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn C không đồng ý chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền 269.321.500 đồng thay cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án, mà ông C chỉ đồng ý chịu trách nhiệm trả 20% khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án và yêu cầu xem xét lại trách nhiệm của vợ ông C là bà Nguyễn Ngọc N vì bà N không có liên quan gì về việc ông đứng ra bảo lãnh. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch mà cấp sơ thẩm đã buộc nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H phải chịu.

**** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa***

và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về nghĩa vụ của người bảo lãnh, cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Ngọc N là vợ ông C cùng chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án trong khi bà N không ký bảo lãnh và cũng không có quyền lợi gì từ việc bảo lãnh của ông C là không có căn cứ; về án phí, cấp sơ thẩm nhận định và bác yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 127.419.500 đồng và buộc nguyên đơn phải chịu án phí 6.371.000 đồng là không phù hợp vì số tiền này đã được phía nguyên đơn thống nhất không yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án, nên thuộc trường hợp sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa, nên số tiền này không thuộc trường hợp nguyên đơn bị bác yêu cầu khởi kiện và phải chịu án phí như án sơ thẩm đã nhận định. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc N, ông Lê Văn N, chị Phạm Thị Cẩm N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc N, ông Lê Văn N, chị Phạm Thị Cẩm N.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Phạm Thị L và ông Huỳnh Văn C đều thống nhất thừa nhận vào ngày 30/9/2016 bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Phạm Thị L có vay của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền vốn gốc 350.000.000 đồng, ông C là người ký giấy bảo lãnh cho vợ chồng ông T, bà L vay, vợ chồng ông T, bà L đã đóng lãi cho anh H và ông N được 140.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn thừa nhận và đồng ý khấu trừ số tiền lãi là 140.000.000 đồng mà ông T và bà L đã đóng cho ông N, ông N đã giao lại cho anh H. Người đại diện theo ủy

quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền nợ vay vốn gốc còn lại là 222.580.500 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản để thi hành án thì vợ chồng ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Ngọc N phải chịu trách nhiệm trả số tiền thực tế bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L còn nợ nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H thay cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L. Bị đơn ông Nguyễn Quốc T yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ lại số tiền lãi 140.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu vợ chồng ông T, bà L sẽ trả dần cho anh H và ông N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, bà Phạm Thị L đồng ý trả cho anh H số tiền nợ gốc còn lại là 222.580.500 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bị đơn ông Huỳnh Văn C đồng ý trả cho ông H từ 5 – 10 triệu đồng, còn nhiều thì không có khả năng trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn C không đồng ý chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền 269.321.500 đồng thay cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án, mà ông C chỉ đồng ý chịu trách nhiệm trả 20% khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án và yêu cầu xem xét lại trách nhiệm của vợ ông C là bà Nguyễn Ngọc N vì bà N không có liên quan gì về việc ông đứng ra bảo lãnh. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch mà cấp sơ thẩm đã buộc nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H phải chịu.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C không đồng ý chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền 269.321.500 đồng thay cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án, mà ông C chỉ đồng ý chịu trách nhiệm trả 20% khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo lãnh là ông Huỳnh Văn C xác nhận ngày 30/9/2016 và ngày 25/5/2017 ông C có ký bảo lãnh cho vợ chồng ông T và bà L vay của ông H số tiền 350.000.000 đồng và cam kết "nếu vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không thực hiện trách nhiệm trả nợ thì ông C sẽ trả nợ thay" và thực tế vợ chồng ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mà các bên đã tự nguyện giao kết. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 361 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xử buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L

chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền 269.321.500 đồng, trường hợp nếu bị đơn vợ chồng ông T và bà L không còn tài sản để thi hành án thì ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm trả thay cho bị đơn vợ chồng ông T và bà L là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C yêu cầu xem xét lại trách nhiệm của vợ ông C là bà Nguyễn Ngọc N vì bà N không có liên quan gì về việc ông đứng ra bảo lãnh.

Hội đồng xét xử xét thấy, về nghĩa vụ của người bảo lãnh, cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Ngọc N là vợ ông C cùng chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L khi vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản thi hành án trong khi bà N không ký bảo lãnh và việc ông C ký bảo lãnh không vì mục đích sinh hoạt chung trong gia đình và thực tế bà N không nhận được quyền lợi gì từ việc bảo lãnh của ông C. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà N cùng chịu trách nhiệm của người bảo lãnh không phù hợp quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về án phí, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm nhận định và bác yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 127.419.500 đồng và buộc nguyên đơn phải chịu án phí 6.371.000 đồng là không phù hợp vì số tiền này đã được phía nguyên đơn thống nhất không yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án, nên thuộc trường hợp sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa, nên số tiền này không thuộc trường hợp nguyên đơn bị bác yêu cầu khởi kiện và phải chịu án phí như án sơ thẩm đã nhận định.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 361, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh" đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Phạm Thị L và ông Huỳnh Văn C.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L đối với nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H.

3. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền nợ vay vốn gốc 222.580.500 đồng, tiền lãi 46.741.000 đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi là 269.321.500 đồng.

Trường hợp nếu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L không còn tài sản để thi hành án thì ông Huỳnh Văn C phải chịu trách nhiệm trả số tiền thực tế bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L còn nợ nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H thay cho bị đơn chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật , người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.466.000 đồng, nhưng bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên được miễn giảm 50% tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L đã nộp là 2.000.000 đồng theo lai thu số 0004166 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị L còn phải nộp tiếp 4.733.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.750.000 đồng tại biên lai thu số 0006618 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004320 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U;
-THA dân sự huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo